|  |  |
| --- | --- |
| BỘ XÂY DỰNG |  CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1232/VKT-GXD | *Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2024* |

 Kính gửi: Bộ trưởng Nguyễn Thanh Nghị

Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Xây dựng phân giao thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước giao Viện Kinh tế xây dựng thực hiện năm 2024 về đánh giá diễn biến thị trường thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng đã thực hiện khảo sát, thu thập thông tin thị trường, để tổng hợp phân tích, đánh giá diễn biến của thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng trên cả nước.

Viện Kinh tế xây dựng kính báo cáo Bộ trưởng kết quả đánh giá diễn biến thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng đầu năm 2024 được gửi kèm theo công văn này và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Các Thứ trưởng (để báo cáo);- Vụ KHCN, Cục KTXD, Vụ KHTC, Cục QLHĐXD;- Các LĐ Viện;- Lưu VKT, GXD. Ph.12 | **VIỆN TRƯỞNG**  **Nguyễn Tấn Vinh** |

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ DỰ BÁO 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

1. **Tổng quan về tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm 2024**

Trong 06 tháng đầu năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tình trạng bất ổn an ninh, chính trị leo thang tại một số quốc gia, khu vực, tiềm ẩn rủi ro tới sự ổn định và phát triển kinh tế toàn cầu; kinh tế thế giới bước đầu phục hồi nhưng còn chậm; thiên tai, biến đổi khí hậu tác động tới kinh tế – xã hội của nhiều quốc gia.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 đã đi được một nửa chặng đường trong bối cảnh kinh tế thế giới dần hồi phục nhưng bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định. Cụ thể, giá xăng dầu, nguyên vật liệu, giá cước vận tải và giá vàng thế giới biến động mạnh, tạo sức ép lên lạm phát và tăng trưởng toàn cầu. Ngân hàng Thế giới đánh giá GDP toàn cầu năm 2024 chịu sức ép từ lãi suất cao, căng thẳng thương mại, xung đột quân sự, biến động chính trị và dự báo kinh tế thế giới tăng 2,6%, cao hơn 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trước, thấp hơn mức tăng 3,1% của năm 2023. Quỹ Tiền tệ quốc tế dự báo GDP toàn cầu năm 2024 tăng 3,2%.

Nhận định về bức tranh kinh tế Việt Nam quý II và 6 tháng đầu năm 2024, Tổng cục Thống kê cho biết nền kinh tế tiếp tục khởi sắc sau đà [tăng trưởng](https://nhandan.vn/phan-dau-dat-muc-tieu-tang-truong-65-post803635.html) trong quý I. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II năm 2024 tăng 6,42% [[[1]](#footnote-1)],, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 7,99% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2024. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 45,73%; khu vực dịch vụ tăng 7,06%, đóng góp 48,91%.



Ngành xây dựng tăng 7,34%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 0,48 điểm phần trăm.

Đối với ngành xây dựng, tín hiệu tích cực của ngành xây dựng trong nửa đầu năm 2024 đến từ mảng xây dựng hạ tầng và xây dựng công nghiệp. Mạng lưới sản xuất toàn cầu đang có sự dịch chuyển và Việt Nam đã nổi lên như một điểm đến hàng đầu cho các công ty thiết lập cơ sở công nghiệp và sản xuất. Tỷ trọng đầu tư công đối với mảng đầu tư cơ sở hạ tầng cũng là nền tảng động lực cho tăng trưởng của ngành xây dựng.

Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế là 6 - 6,5% cho năm 2024. Với đặc tính của mình, ngành Xây dựng dự kiến sẽ có mức tăng trưởng vượt trội so với mức tăng của nền kinh tế. Các chuyên gia kỳ vọng ngành Xây dựng sẽ tăng trưởng bình quân 7÷8% trong năm 2024.

**Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng giai đoạn 2013-2024**

 Liên quan đến thị trường xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2024, theo số liệu từ Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) nhận định khá lạc quan về triển vọng chung của ngành này trong năm 2024. Kết quả khảo sát cho biết 52,6% doanh nghiệp bày tỏ kỳ vọng năm 2024 sẽ đánh dấu những chuyển biến tích cực; 36,9% số doanh nghiệp dự báo ngành xây dựng sẽ chưa có nhiều sự cải thiện mà gần như giữ nguyên trạng thái trong năm 2023 và 10,5% số doanh nghiệp cho rằng tình hình thị trường có thể ảm đạm hơn. Nhìn chung, việc trở lại quỹ đạo tăng trưởng chưa thể diễn ra chóng vánh và chưa thể khẳng định thị trường xây dựng sẽ đạt được các kết quả rực rỡ, tuy nhiên, các doanh nghiệp xây dựng kỳ vọng, năm 2024 có thể là "viên gạch đầu tiên" xây nền móng cho sự phục hồi và ươm mầm một chu kỳ phát triển mới.

Ở tất cả các phân khúc xây dựng, tỉ lệ doanh nghiệp bày tỏ lạc quan về triển vọng đều cao hơn so với kết quả khảo sát cách đây một năm. Sự phân hóa về tâm lý lạc quan đối với các phân khúc tiếp tục được duy trì trong năm nay với thứ tự lần lượt là:

(1) Xây dựng hạ tầng

(2) Xây dựng công nghiệp

(3) Xây dựng năng và tiện ích

(4) Xây dựng nhà ở

(5) Xây dựng thương mại



Việc đẩy mạnh đầu tư công và sự gia tăng nguồn vốn FDI là cơ sở củng cố niềm tin đối với mảng xây dựng hạ tầng và xây dựng công nghiệp. Trong khi đó, mảng xây dựng năng lượng và tiện ích ghi nhận sự gia tăng đáng kể tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá triển vọng tích cực hơn so với kết quả khảo sát năm 2023 (+43,6%) nhờ nhu cầu cấp bách trong xây lắp các dự án truyền tải Nam – Bắc với dự án trọng điểm đường dây 500kV mạch 3 và nhu cầu phát triển hạ tầng điện nhằm đáp ứng hệ thống năng lượng tái tạo sau khi có những tín hiệu mới từ chính sách.

**2. Thị trường máy và thiết bị xây dựng**

Theo chuyên gia dự báo và nghiên cứu thị trường của công ty [Off-Highway Research](https://offhighwayresearch.com/) , doanh số bán thiết bị xây dựng toàn cầu đạt mức cao kỷ lục vào năm 2021 với gần 1,3 triệu máy được bán ra. Điều này bao gồm các loại thiết bị nhỏ gọn và vận chuyển đất chủ đạo, kết hợp với một số loại máy trong lĩnh vực xử lý vật liệu xây dựng đường bộ và đường bộ.

Theo dự báo nhu cầu máy móc xây dựng do Hiệp hội các nhà sản xuất máy xây dựng Nhật Bản (Chủ tịch Hiroto Honda) tổng hợp, giá trị lô hàng xuất xưởng trong năm tài chính 2024 sẽ tăng năm thứ tư liên tiếp lên 3.276,8 tỷ Yên (tăng 3% so với năm trước). năm tài chính). ). Đây là mức cao nhất kể từ khi cuộc khảo sát bắt đầu vào năm 1990. Cả doanh số bán hàng trong nước và xuất khẩu đều tăng đều đặn trong bốn năm liên tiếp và tất cả chín kiểu máy mục tiêu, bao gồm cả máy đào thủy lực, dự kiến ​​sẽ tăng.



Thị trường máy móc xây dựng Việt Nam có quy mô hàng chục tỷ USD, là hấp lực lớn với các nhà sản xuất, cung cấp thiết bị đến từ các quốc gia phát triển. Hàng năm, Việt Nam tiêu tốn vài chục tỷ USD để nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng  phục vụ nhu cầu sản xuất, khai thác, [đầu tư](http://baodautu.vn/) xây dựng, từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, cho tới xây dựng, giao thông, khai thác mỏ…

Các nhà cung cấp máy móc chính cho Việt Nam bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan. Bốn thị trường này chiếm khoảng 70% nguồn máy móc nhập khẩu của Việt Nam do giá cả cạnh tranh. Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá 24,29 tỷ USD, tiếp theo là Hàn Quốc với 6,24 tỷ USD, Nhật Bản với 4,29 tỷ USD.

Với xu hướng phát triển thị trường xây dựng nội địa hiện nay, Việt Nam đang cần đầu tư công nghệ, thiết bị, máy móc mới để nâng cao năng lực và tính hiệu quả thi công, giúp đỡ quản lý thi công chính xác, tiết kiệm chi phí nhân công…

Đầu tư công là 1 trong 3 động lực của tăng trưởng kinh tế. Cần những giải pháp mang tính chất đột phá để tạo thêm khung khổ, không gian phát triển mới, đột phá. Quốc hội đã thông qua nghị quyết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, với chỉ tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 là 6 - 6,5%, lạm phát 4 - 4,5%. Mục tiêu này có phần thách thức trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và toàn cầu vẫn gặp khó khăn. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng sáng hơn cho năm 2024 là có cơ sở, khi kinh tế tăng tốc hồi phục những tháng cuối năm nay, tạo điểm tựa cho những mục tiêu năm mới.

**2. Diễn biến thị trường thuê máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng đầu năm 2023**

Quý I/2024 là thời điểm đầu năm cũng là thời điểm bước vào những ngày cuối năm âm lịch, nhiều công trình bước vào giai đoạn hoàn thiện nước rút để bàn giao, nhu cầu xây dựng tăng cao hơn khiến cho thị trường cho thuê máy và thiết bị thi công tại các thành phố lớn cũng có mức biến động tăng, đặc biệt là tại các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng. Bước sang quý II/2024, nhu cầu xây dựng công trình xây dựng nhỏ lẻ, khu dân cư có dấu hiệu giảm rõ rệt so với quý I, mùa mưa ở các tỉnh phía Nam cũng ảnh hưởng đến nhu cầu thuê máy thi công tại một số dự án đường giao thông khu vực phía Nam. Tuy nhiên, tiếp tục đà phát triển của thị trường xây dựng khiến nhu cầu thuê máy và thiết bị thi công của các nhà thầu xây dựng được đánh giá ở mức ổn định.

Trong 6 tháng đầu năm nay, Bộ GTVT đã khởi công 7 dự án đường bộ, 1 dự án đường sắt, trong đó có 2 dự án thành phần đường Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành sẽ nối thông toàn tuyến từ Cao Bằng đến đất mũi Cà Mau trong năm 2025. Bên cạnh đó nhiều dự án và công trình có quy mô lớn được khởi công với nhiều dự án nổi bật như: Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng với tổng nguồn vốn hơn 11.000 tỷ đồng, là đoạn cuối cùng được khởi công của tuyến cao tốc Bắc Nam phía đông, kết nối Cao Bằng - Lạng Sơn – Hà Nội – Huế - TPHCM – Cà Mau; Dự án đầu tư tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP). Giai đoạn 1 có chiều dài 93,35 km với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 của dự án là hơn 14.300 tỉ đồng, dự kiến hoàn thành năm 2026; Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) Bắc Thạch Hà -VSIP Hà Tĩnh; Dự án nhà ở xã hội 28,14 ha với tổng số vốn đầu tư hơn 5.800 tỉ đồng được Công ty CP Vinhomes đầu tư xây dựng tại Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P.Tràng Cát, Q.Hải An (TP.Hải Phòng);  Dự án ở xã hội tại phường Long Bình Tân (TP Biên Hoà, [Đồng Nai](https://znews.vn/tieu-diem/dong-nai.html)) có quy mô 1,4 ha, dự kiến cung cấp 1.000 căn hộ với tổng mức đầu tư gần 1.400 tỷ đồng,…

Xu hướng tăng trưởng của thị trường xây dựng có xu hướng làm tăng nhu cầu thuê máy và thiết bị thi công của các nhà thầu xây dựng trong quá trình thực hiện thi công xây dựng công trình trong dài hạn.

**Biều đồ 2: Diễn biến giá nhiên liệu trên thị trường 6 tháng đầu năm 2024**

*Đơn vị: đồng/lít*

 *(Nguồn: Petrolimex)*

Theo số liệu khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường Trong 6 tháng đầu năm 2024, giá xăng dầu đã qua 26 kỳ điều chỉnh với giá xăng 14 lần tăng giá, 11 lần giảm giá và 1 lần giữ nguyên giá, và đối với giá dầu diezel 14 lần tăng giá, 12 lần giảm giá. Qua khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường (xăng và dầu diezel), trong 6 tháng đầu năm giá xăng, dầu đều có xu hướng tăng. Giá xăng dầu thế giới biến động mạnh , tạo sức ép lên lạm phát và tăng trưởng toàn cầu. Giá dầu thô thế giới biến động khó lường, dự báo giá dầu sẽ tăng trong quý III/2024. Tuy vậy, lãi suất đồng USD vẫn ở mức cao trong thời gian tới làm giảm nhu cầu dầu thô trên thị trường thế giới; cùng với đó, ngày 2/6/2024, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và đồng minh phát đi tín hiệu sẽ tăng nguồn cung, điều này khiến giá dầu có thể giảm.

Nhu cầu tiêu dùng xăng dầu toàn cầu trong các ngày đầu tháng 6/2024 giảm. So với thời điểm tháng 1/2024 thì sang tháng 6/2024, giá xăng đã có mức biến động tăng nhẹ 5,27%, dầu diezel tăng 2,82%. Có thể thấy, giá xăng dầu trong nước có mức biến động tăng khá nhỏ gần như là đi ngang theo biến động của giá xăng dầu thế giới khi nền kinh tế thế giới đang trong đà hồi phục.

**Bảng 1: Đánh giá diễn biến bình quân giá nhiên liệu so với cùng kỳ năm trước**

 *Đơn vị: đồng/lít*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Bình quân 6 tháng đầu năm 2023** | **Bình quân 6 tháng đầu năm 2024** | **Chênh lệch tuyệt đối** | **Chênh lệch tương đối (%)** |
| 1 | Xăng  | 21.980 | 22.713 | 732 | 3,33% |
| 2 | Dầu diezel  | 20.097 | 20.642 | 545 | 2,71%% |

Theo số liệu khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường (xăng và dầu diezel), bình quân giá xăng dầu trong 6 tháng đầu năm 2024 có mức tăng khá đáng kể so với với bình quân trong 6 tháng đầu năm 2023, mức tăng 3,33% với xăng và 2,71% với dầu diezel.

Bình quân giá xăng dầu trong 6 tháng đầu năm 2024 có mức tăng 6,16% với xăng và 4,17% với dầu diezel so với thời điểm cuối năm 2023 (tháng 12/2023).

**Bảng 2: Đánh giá diễn biến bình quân giá nhiên liệu bình quân 6 tháng đầu năm 2024 so với thời điểm cuối năm 2023**

 *Đơn vị: đồng/lít*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tháng 12/2023** | **Bình quân 6 tháng đầu năm 2024** | **Chênh lệch tuyệt đối** | **Chênh lệch tương đối (%)** |
| 1 | Xăng  | 21.395 | 22.713 | 1.317 | 6,16% |
| 2 | Dầu diezel  | 19.816 | 20.642 | 827 | 4,17% |

Theo đánh giá, bình quân 6 tháng đầu năm 2024 đối với mức biến động tăng của giá xăng (6,16%) và của giá dầu (4,17%) sẽ không ảnh hưởng giá thuê máy trên thị trường trong trường hợp thuê máy trong thời gian dài (thuê khô, bên đi thuê tự trả nhiên liệu). Tuy nhiên, với trường hợp thuê ướt (có nhiên liệu) thì giá thuê sẽ chịu tác động của mức biến động giá nhiên liệu này, đặc biệt là đối với các thiết bị sử dụng nhiên liệu dầu diezel.

**Bảng 3: Đánh giá ảnh hưởng của biến động giá nhiên liệu trong dự toán xây dựng công trình (6 tháng đầu năm 2024 so với thời điểm cuối năm 2023)**



 Theo đánh giá, mức biến động tawng tương đối của giá xăng dầu bình quân trong 6 tháng đầu năm 2024 so với tháng 12/2023, ảnh hưởng đến biến động yếu tố đầu vào của giá ca máy trong dự toán xây dựng của các nhóm công trình. Xét yếu tố đầu vào của dự toán xây dựng cho thấy, mức tăng của giá nhiên liệu trong giai đoạn này tác động mạnh mẽ nhất đến dự toán của nhóm công trình giao thông (mức 0,15%) và nông nghiệp và phát triển nông thôn (mức 0,13%). Điều này có thể giải thích bởi tỷ trọng chi phí máy thi công sử dụng nhiên liệu của loại hình công trình này lớn hơn các loại hình công trình còn lại, đặc biệt là nhóm máy phục vụ đào đắp.

Qua theo dõi diễn biến giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2024 tại 3 thành phố lớn (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng) nhìn chung có mức ổn định so với năm 2023. Một số nhóm máy có chi phí đầu tư thấp, khả năng cung trên thị trường lớn có mức biến động ít, thậm chí không biến động (nhóm máy giá công kim loại, nhóm máy phục vụ công tác bê tông). Môt số nhóm máy có nhu cầu thuê trên thị trường cao vẫn có mức biến động tăng thấp so sánh tương quan với cùng kỳ các năm trước đó như nhóm máy làm đất (tăng 0,18 ÷ 0,81%), tuy nhiên nhóm máy vận chuyển lại có xu hướng giảm (0,5 ÷ 0,8%) do xu hướng giảm của giá dầu diêzel trong kỳ phân tích. Tuy nhiên, theo nhận định chung thì khả năng cung cấp dịch vụ cho thuê trên thị trường vẫn rất dồi dào nên không xảy ra tình trạng khan hiếm.

Phân tích cho thấy giá thuê máy 06 tháng đầu năm 2024 so với cũng kỳ năm 2023 thì giá thuê của nhóm máy nâng hạ, làm đất và máy làm đất vẫn có mức ổn định nhất định bởi nhu cầu sử dụng các loại máy này trong xây dựng hạ tầng và dân dụng là khá cao trong đầu năm 2024 với hàng loạt dự án đầu tư xây dựng được đồng loạt đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong giai đoạn này.

**Biều đồ 3: Diễn biến giá thuê máy 6 tháng đầu năm 2024 so với năm 2023**

*Đơn vị tính: %*

 (*Bảng giá thuê một số loại máy và thiết bị thi công xây dựng trên thị trường 6 tháng đầu năm 2024 được đính kèm Phụ lục của Báo cáo)*

**3. Đánh giá tác động của điều chỉnh khung đơn giá nhân công xây dựng đến giá ca máy và thiết bị thi công**

Theo quy định hiện hành, giá nhân công xây dựng tác động đến tiền lương thợ điều khiển cấu thành nên giá ca máy xây dựng. Qua đánh giá hệ thống văn bản pháp luật về cơ chế quản lý giá nhân công hiện hành đang bộc lộ rất nhiều bất cập. Cụ thể là bất cập liên quan đến việc quy định khung đơn giá nhân công:

- Quy định mức đơn giá nhân công tối thiểu của khung đã rất lạc hậu *(mức tối thiểu này đã dựa theo mức lương từ năm 2015 căn cứ quy định của Nghị định số 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước và có đối chiếu với quy định tiền lương vùng, cấp bậc công nhân ngành xây dựng. Đến nay, mức tối thiểu này vẫn chưa được điều chỉnh ).*

- Mức đơn giá nhân công tối đa đã có sự điều chỉnh thường xuyên. Đến thời điểm hiện nay, mức đơn giá nhân công tối đa của Thông tư 13 đã gần tiệm cận được mặt bằng đơn giá nhân công thị trường có tính chất đầu vào. Tuy nhiên, mức đơn giá nhân công tối đa này sẽ lạc hậu trong giai đoạn tới và chưa theo kịp sự biến động, thay đổi của chế độ tiền lương nói chung.

- Cơ chế hiện hành quy định trách nhiệm các địa phương công bố đơn giá nhân công trên địa bàn nhưng do có khung đơn giá nhân công công bố của Bộ Xây dựng nên các địa phương đều bám theo khung này để thực hiện. Thực tế này đã dẫn đến có khoảng 30% địa phương công bố đơn giá nhân công chỉ cao hơn không quá 15% mức đơn giá nhân công tối thiểu của khung, thậm chí có tỉnh bằng mức tối thiểu.

- Quá trình khảo sát giá nhân công thị trường thực tế tại các địa phương có sự chênh lệch đáng kể với mức công bố hiện nay

 Với các phân tích trên đây cho thấy, trong thời gian tới, việc điều chỉnh nới rộng (điều chỉnh tăng) khung đơn giá nhân công phù hợp với giá nhân công trên thị trường là cần thiết; tạo cơ sở để các địa phương thực hiện khảo sát giá nhân công thị trường công bố phù hợp với mặt bằng giá nhân công thị trường. Theo đó, giả thiết đơn giá nhân công tiền lương thợ điều khiển máy có mức tăng tương ứng với mức điều chỉnh khung đơn giá nhân công. Với mức tăng khung đơn giá nhân công ở 03 mức là 10%; 20% và 30% để đánh giá tác động đến giá ca máy và thiết bị thi công. Mức độ tác động như sau:

**Bảng 4: Đánh giá tác động của điều chỉnh giá nhân công thợ điều khiển máy**

 **đến chi phí máy thi công**



Theo đó có thể thấy, việc điều chỉnh đơn giá nhân công thợ điều khiển máy tăng bình quân từ 10÷30% sẽ tác động làm tăng chi phí máy thi công trong chi phí trực tiếp của dự toán từ 0,1÷0,76% tùy loại hình công trình. Trường hợp điều chỉnh tăng 10% giá nhân công thợ điều khiển máy tác động làm tăng mạnh nhất đối với công trình giao thông với mức 0,25%. Trường hợp điều chỉnh tăng 30% giá nhân công thợ điều khiển máy tác động làm tăng mạnh nhất đối với công trình giao thống với mức 0,76%, mức tác động đến công trình dân dụng và công nghiệp nhỏ hơn (0,32%), điều này có thể giải thích với đặc điểm tỷ trọng chi phí lương thợ điều khiển máy trong loại hình công trình này thường nhỏ hơn.

**4. Tình hình công bố giá ca máy và thiết bị thi công của các địa phương trong 6 tháng đầu năm 2024**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ công tác quản lý giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tại địa phương quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, trong 6 tháng đầu năm 2024 đã có 12 địa phương thực hiện khảo sát và công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công (Chi tiết như Phụ lục 02 đính kèm). Đến thời điểm hiện tại, hầu hết các địa phương đã thực hiện việc công bố giá ca máy làm cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình xây dựng tại địa phương.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan: thực hiện hoặc thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, tham khảo nguyên giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố để xác định giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn. Qua thống kê, đánh giá nội dung công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công của các địa phương thời gian qua cho thấy một số đặc điểm như sau:

*Một là,* về danh mục máy và thiết bị thi công được công bố được các địa phương căn cứ theo danh mục tại Phụ luc số V Thông tư 13/2021/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình. Một số địa phương căn cứ đặc điểm các công trình xây dựng phổ biến của địa phương để công bố danh mục máy phù hợp (không thực hiện công bố toàn bộ danh mục tại Thông tư 13/2021/TT-BXD) như Hà Nội, Thừa Thiên Huế…

*Hai là,* về biểu mẫu công bố máy và thiết bị thi công cơ bản được các địa phương tuân thủ theo mẫu số 3 Phụ lục VIII Thông tư 11/2021/TT-BXD.

*Ba là,* đối với các chỉ tiêu hao phí trong giá ca máy như số ca năm, nhiên liệu, thợ điều khiển máy, sửa chữa, chi phí khác đểu theo bảng công bố hao phí các chỉ tiêu giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố tại Phụ luc số V Thông tư 13/2021/TT-BXD.

*Bốn là,* riêng đối với chỉ tiêu nguyên giá ca máy, đây là chỉ tiêu ảnh hưởng lớn nhất đến giá ca máy. Bởi sự đa dạng về chủng loại máy, nguồn gốc xuất xứ, tình trạng sử dụng (mới, cũ), theo đó đây là nội dung tương đối gặp khó khăn trong công tác khảo sát nguyên giá ca máy như quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng. Qua thực tế tìm hiểu thông tin cho thấy sự hạn chế về nguồn lực con người, kinh phí thực hiện, hạn chế về sự đa dạng nguồn thông tin các công trình đối với các chủng loại máy được sử dụng phổ biến trên địa bàn của địa phương dẫn đến thực tế hầu hêt các địa phương về cơ bản chưa thực hiện được công tác khảo sát nguyên giá ca máy phục vụ tính toán công bố, mà hầu hết đều căn cứ nguồn thông tin tham khảo chung về nguyên giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố tại Thông tư 13/2021/TT-BXD.

**5. Dự báo cho kỳ phân tích tiếp theo (6 tháng cuối năm 2024)**

Theo đánh giá của các chuyên gia, Ngành xây dựng và GDP có mối tương quan cao, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng sẽ tác động tới tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa cuối năm 2024. Kết quả [tăng trưởng kinh tế](https://laodong.vn/tags/tang-truong-kinh-te-2324.ldo) 6 tháng đầu năm ước đạt 6,42%, cao hơn mức tăng trưởng mục tiêu cận trên tại Nghị quyết 01 đề ra 5,5%-6% là một dấu hiệu tích cực cho mục tiêu tăng trưởng cả năm 2024.

Nền kinh tế 6 tháng cuối năm có nhiều yếu tố thuận lợi tạo đà cho tăng trưởng. Đối với ngành xây dựng, với sự phục hồi của kinh tế thế giới, việc 6 tháng đầu năm đã có tăng trưởng đáng ghi nhận là tiền đề cho tăng trưởng 6 tháng cuối năm. Căn cứ diễn biến tình hình thế giới, kết quả hoạt động kinh tế trong nước 6 tháng đầu năm và một số nhận định về tình hình kinh tế 6 tháng cuối năm, nếu không có biến động lớn, khả năng Việt Nam sẽ đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 2024 trong khoảng 6-6,5%.

Mặc dù vậy, theo dự báo của doanh nghiệp ngành xây dựng, 06 tháng cuối năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng kỳ vọng sẽ đón nhận các yếu tố hỗ trợ tích cực với tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, thị trường bất động sản bước qua thời điểm khó khăn.

Trong 6 tháng cuối năm 2024 sẽ là giai đoạn gấp rút để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án để thực hiện giải ngân vốn đầu tư hoàn thành kế hoạch năm. Đặc biệt, khởi công nhiều dự án giao thông trọng điểm như: dự án thành phần [cao tốc](https://laodong.vn/photo/hinh-anh-cao-toc-tuyen-quang-phu-tho-sau-khi-duoc-bo-sung-500-ti-dong-1205045.ldo) Bắc - Nam là Diễn Châu - Bãi Vọt, Cam Lâm - Vĩnh Hảo;  34 dự án lớn, 86 dự án thành phần quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành GTVT tại 46 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trong đó có 5 dự án đường sắt, 2 dự án cảng hàng không, còn lại là dự án đường bộ, chủ yếu là đường bộ cao tốc và các đường vành đai vùng Thủ đô Hà Nội, đường vành đai TP.HCM… Đầu tư cơ sở hạ tầng tiếp tục là ưu tiên hàng đầu của chính phủ. Đây là động lực tăng trưởng cho ngành xây dựng trong nửa cuối năm 2024. Theo đó, thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng cũng có cơ hội để phát triển hơn nữa với nhiều chủng loại máy xây dựng thế hệ mới có tính năng kỹ thuật hiện đại, năng suất cao theo chân các nhà đầu tư và doanh nghiệp tham gia thị trường xây dựng Việt Nam.

Theo số liệu thống kê hàng năm thời điểm đầu năm cũng là thời điểm bước vào những ngày cuối năm âm lịch, nhiều công trình bước vào giai đoạn hoàn thiện nước rút để bàn giao trước tết ấm lịch, nhu cầu xây dựng tăng cao hơn có thể khiến cho thị trường cho thuê máy và thiết bị thi công tại các thành phố lớn sẽ có mức biến động tăng, mức biến động sẽ phụ thuộc khá lớn vào nhu cầu thuê và giá nhiên liệu trên thị trường. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia phân tích, sẽ không có mức biến đông lớn về giá thuê máy bởi nguồn cung dịch vụ trên thị trường được đánh giá khá dồi dào.

**PHỤ LỤC 01**
*(Kèm theo “Báo cáo nghiên cứu thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng*

*đầu năm 2024”)*

BẢNG GIÁ THUÊ MỘT SỐ LOẠI MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG TRÊN THỊ TRƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

**Ghi chú:** thông tin giá thuê máy là giá bình quân trên tại một số thị trường xây dựng lớn trong nước (Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng); theo tháng chưa gồm nhân công điều khiển máy; theo giờ đã bao gồm nhân công điều khiển máy.

| **TT** | **Loại máy thi công** | **Đặc tính kỹ thuật** | **Xuất xứ****/ Năm sản xuất** | **Giá cho thuê** ***(chưa có thuế VAT)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Theo tháng***(đồng/tháng***)** | **Theo giờ máy***(đồng/ h máy)* |
| ***(chưa có*** ***nhiên liệu)*** | ***(đã có*** ***nhiên liệu)*** |
| **I** | **Nhóm máy làm đất** |  |  |   |   |
| **I.1** | **Máy đào xúc** |  |  |   |   |
| 1 | Máy đào Komatsu PC 03-1 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1991 |  20.650.000  |  286.000  |
| 2 | Máy đào Komatsu PC28UU-2E | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1995 |  20.600.000  |  277.000  |
| 3 | Máy đào Komatsu PC28UU-3 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /2000 |  22.440.000  |  293.000  |
| 4 | Máy đào Komatsu PC 28UU-3 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /2005 |  23.580.000  |  315.000  |
| 5 | Máy đào Komatsu PC 28UU-3 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /2007 |  24.550.000  |  312.000  |
| 6 | Máy đào Komatsu PC30MR-1 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1998 |  22.110.000  |  283.000  |
| 7 | Máy đào Komatsu PC30MR-1 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /2000 |  21.540.000  |  272.000  |
| 8 | Máy đào Komatsu PC30UU-3 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1999 |  21.620.000  |  267.000  |
| 9 | Máy đào Komatsu PC35R-8 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1991 |  20.000.000  |  250.000  |
| 10 | Máy đào Komatsu PC38UU-2 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1992 |  20.500.000  |  260.000  |
| 11 | Máy đào Komatsu PC38UU-3 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /2008 |  22.010.000  |  276.000  |
| 12 | Máy đào Komatsu PC38UU-2E | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1996 |  20.650.000  |  265.000  |
| 13 | Máy đào Komatsu PC35MB-1 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /1998 |  21.050.000  |  270.000  |
| 14 | Máy đào Komatsu PC30MR-1 | Dung tích gầu 0,1 m3 | Nhật Bản /2000 |  21.030.000  |  260.000  |
| 15 | Máy đào Komatsu PC40-6 | Dung tích gầu 0,13 m3 | Nhật Bản /1989 |  18.000.000  |  245.000  |
| 16 | Máy đào Komatsu PC40-7 | Dung tích gầu 0,13 m3 | Nhật Bản /1994 |  18.400.000  |  250.000  |
| 17 | Máy đào Komatsu PC50UU-2E | Dung tích gầu 0,2 m3 | Nhật Bản /1996 |  19.000.000  |  250.000  |
| 18 | Máy đào Komatsu PC50UU-1 | Dung tích gầu 0,2 m3 | Nhật Bản /1992 |  18.500.000  |  245.000  |
| 19 | Máy đào Komatsu PC50UU-2 | Dung tích gầu 0,2 m3 | Nhật Bản /1995 |  18.500.000  |  250.000  |
| 20 | Máy đào Komatsu PC50UU-2 | Dung tích gầu 0,2 m3 | Nhật Bản /1994 |  18.500.000  |  250.000  |
| 21 | Máy đào Komatsu PC70-7 | Dung tích gầu 0,25 m3 | Nhật Bản /1997 |  19.000.000  |  255.000  |
| 22 | Máy đào Komatsu PC120-6 | Dung tích gầu 0,25 m3 | Nhật Bản /1999 |  19.000.000  |  255.000  |
| 23 | Máy đào Komatsu PC60-7 | Dung tích gầu 0,25 m3 | Nhật Bản /1997 |  19.000.000  |  255.000  |
| 24 | Máy đào Komatsu PC60-6 | Dung tích gầu 0,25 m3 | Nhật Bản /1991 |  18.600.000  |  250.000  |
| 25 | Máy đào Komatsu PC60-6 | Dung tích gầu 0,25 m3 | Nhật Bản /1989 |  18.000.000  |  240.000  |
| 26 | Máy đào Komatsu PC75UU-2 | Dung tích gầu 0,25 m3 | Nhật Bản /1993 |  18.600.000  |  250.000  |
| 27 | Máy đào Komatsu PC70-7E | Dung tích gầu 0,28 m3 | Nhật Bản /1996 |  18.900.000  |  253.000  |
| 28 | Máy đào Komatsu PC70FR | Dung tích gầu 0,28 m3 | Nhật Bản /1997 |  19.000.000  |  255.000  |
| 29 | Máy đào Komatsu PC75UU-3 | Dung tích gầu 0,28 m3 | Nhật Bản /2001 |  19.210.000  |  256.000  |
| 30 | Máy xúc bánh lốp Huyndai 1300 WM | Dung tích gầu 0,4 m3 | Hàn Quốc/2002 |  35.000.000  |  360.000  |
| 31 | Máy đào Komatsu PC100-5 | Dung tích gầu 0,4 m3 | Nhật Bản /1990 |  23.500.000  |  290.000  |
| 32 | Máy đào Komatsu PC100-5 | Dung tích gầu 0,4 m3 | Nhật Bản /1989 |  23.500.000  |  290.000  |
| 33 | Máy đào Komatsu PC100-3 | Dung tích gầu 0,4 m3 | Nhật Bản /1989 |  23.500.000  |  290.000  |
| 34 | Máy đào Komatsu PC100-3 | Dung tích gầu 0,4m3 | Nhật Bản /1989 |  29.500.000  |  350.000  |
| 35 | Máy đào Komatsu PC120-5 | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1992 |  24.600.000  |  300.000  |
| 36 | Máy đào Komatsu PC120-3 | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1988 |  23.000.000  |  290.000  |
| 37 | Máy đào Komatsu PC120-5 | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1991 |  23.800.000  |  295.000  |
| 38 | Máy đào Komatsu PC100-6E | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1999 |  27.500.000  |  360.000  |
| 39 | Máy đào Komatsu PC120-5 | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1992 |  30.000.000  |  400.000  |
| 40 | Máy đào Komatsu PC120-3 | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1988 |  29.800.000  |  360.000  |
| 41 | Máy đào Komatsu PC120-5 | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1991 |  30.000.000  |  400.000  |
| 42 | Máy đào Komatsu PC100-6E | Dung tích gầu 0,45m3 | Nhật Bản /1999 |  33.400.000  |  420.000  |
| 43 | Máy đào xúc PC150-3 | Đào xúc thuận, gầu 0,5 m3 | Nhật/1985 |  35.000.000  |  450.000  |
| 44 | Máy xúc bánh lốp hoặc xích Solar 100 | Dung tích gầu 0.5m3 | Hàn Quốc/1996 |  32.000.000  |  350.000  |
| 45 | Máy đào Komatsu PC120-6ZE | Dung tích gầu 0,5m3 | Nhật Bản /1997 |  32.500.000  |  425.000  |
| 46 | Máy đào Komatsu PC120-6E | Dung tích gầu 0,5m3 | Nhật Bản /1996 |  33.000.000  |  433.000  |
| 47 | Máy đào Komatsu PC120-6E | Dung tích gầu 0,5m3 | Nhật Bản /1999 |  34.500.000  |  450.000  |
| 48 | Máy đào Komatsu PC120-6E | Dung tích gầu 0,5m3 | Nhật Bản /2000 |  34.500.000  |  450.000  |
| 49 | Máy đào Komatsu PC130-6E | Dung tích gầu 0,5m3 | Nhật Bản /1998 |  33.000.000  |  430.000  |
| 50 | Máy đào Komatsu PC1206ZE | Dung tích gầu 0,5m3 | Nhật Bản /2000 |  34.000.000  |  450.000  |
| 51 | Máy đào Komatsu PC150-3 | Dung tích gầu 0,55m3 | Nhật Bản /1985 |  32.000.000  |  410.000  |
| 52 | Máy đào xúc bánh lốp Doosan140 | Đào xúc thuận, gầu 0,6 m3 | Hàn Quốc/2001 |  36.000.000  |  500.000  |
| 53 | Máy xúc bánh lốp hoặc xích Solar 130 -140 | Dung tích gầu 0.65m3 | Hàn Quốc/1997 |  40.000.000  |  400.000  |
| 54 | Máy đào xúc bánh xích PC200-8 | Đào xúc thuận, gầu 0,8 m3 | Nhật/2014 |  45.000.000  |  550.000  |
| 55 | Máy đào xúc bánh xích PC220-3 | Đào xúc thuận, gầu 0,8 m3 | Nhật/1986 |  35.000.000  |  500.000  |
| 56 | Máy đào xúc PC200-6 | Đào xúc thuận, gầu 0,8 m3 | Nhật/1998 |  55.000.000  |  550.000  |
| 57 | Máy đào xúc PC200-6 | Đào xúc thuận, gầu 0,8 m3 | Nhật/1996 |  50.000.000  |  550.000  |
| 58 | Máy đào xúc PC200-3 | Đào xúc thuận, gầu 0,8 m3 | Nhật/1984 |  32.000.000  |  400.000  |
| 59 | Máy xúc bánh xích SK200-1 | Dung tích gầu 0,8 m3 | Nhật/1992 |  38.000.000  |  360.000  |
| 60 | Máy xúc bánh xích PC220-3 | Dung tích gầu 0,8 m3 | Nhật/1998 |  35.000.000  |  380.000  |
| 61 | Máy đào Komatsu PC210LCD-7K | Dung tích gầu 0,8m3 | Nhật Bản /2005 |  55.000.000  |  590.000  |
| 62 | Máy đào Komatsu HB215LC-1 | Dung tích gầu 0,8m3 | Nhật Bản /1998 |  52.800.000  |  525.000  |
| 63 | Máy đào Komatsu PC200-7 | Dung tích gầu 0,8m3 | Nhật Bản /2000 |  57.700.000  |  565.000  |
| 64 | Máy đào Komatsu PC220LC-6LE | Dung tích gầu 1m3 | Nhật Bản /1999 |  69.300.000  |  717.000  |
| 65 | Máy đào Komatsu PC220LC-7L | Dung tích gầu 1m3 | Nhật Bản /2006 |  71.700.000  |  720.000  |
| 66 | Máy đào Komatsu PC220LC-7L | Dung tích gầu 1m3 | Nhật Bản /2004 |  71.000.000  |  720.000  |
| 67 | Máy đào Komatsu PC220LC-8 | Dung tích gầu 1m3 | Nhật Bản /2007 |  72.100.000  |  725.000  |
| 68 | Máy đào xúc bánh xích PC200-8 | Đào xúc thuận, gầu 1,05 m3 | Nhật/2006 |  45.000.000  |  530.000  |
| 69 | Máy đào xúc PC350-6 | Đào xúc thuận, gầu 1,2 m3 | Nhật/1997 |  85.000.000  |  1.100.000  |
| 70 | Máy xúc bánh xích SK300-1 | Dung tích gầu 1,2m3 | Nhật/1990 |  38.000.000  |  380.000  |
| 71 | Máy đào Komatsu PC300LC-7 | Dung tích gầu 1,2m3 | Nhật Bản /2003 |  88.600.000  |  1.250.000  |
| 72 | Máy đào Komatsu PC300-7 | Dung tích gầu 1,4m3 | Nhật Bản /2003 |  96.000.000  |  1.358.000  |
| 73 | Máy đào Komatsu PC300-7 | Dung tích gầu 1,4m3 | Nhật Bản /2005 |  96.000.000  |  1.358.000  |
| 74 | Máy đào Komatsu PC400LC | Dung tích gầu 1,6m3 | Nhật Bản /1991 |  108.652.000  |  1.468.000  |
| 75 | Máy đào Komatsu PC400-7 | Dung tích gầu 1,9m3 | Nhật Bản /2004 |  122.000.000  |  1.620.000  |
| 76 | Máy đào Komatsu PC400LC-6LK | Dung tích gầu 1,9m3 | Nhật Bản /1999 |  119.560.000  |  1.690.000  |
| 77 | Máy đào Komatsu PC PC600LC-7 | Dung tích gầu 2,7m3 | Nhật Bản /2005 |  138.500.000  |  1.865.000  |
| 78 | Máy xúc lật Lihgong LCG836 | Dung tích gầu 1,2m3 | Trung Quốc/2014 |  35.000.000  |  385.000  |
| **I.2** | **Máy ủi** |  |  |   |   |
| 1 | Máy ủi Komatsu D50A | San ủi 150CV | Nhật Bản | 35.000.000 | 500.000 |
| 2 | Máy ủi Komatsu D50S | San ủi, 150CV | Nhật | 34.000.000 | 480.000 |
| 3 | Máy ủi Komatsu D31A | San ủi, 75CV | Nhật | 24.000.000 | 350.000 |
| 4 | Máy ủi Komatsu D41-3 | San ủi, Công suất (KW): 4532 | Nhật | 35.000.000 | 480.000 |
| 5 | Máy ủi Komatsu D53A-18 | San ủi | Nhật | 36.000.000 | 490.000 |
| **I.3** | **Máy lu** |  |  |   |   |
| 1 | Máy lu bánh thép Kawasaky | Lu tĩnh, 10 tấn | Nhật | 18.000.000 | 350.000 |
| 2 | Máy lu rung nhỏ Sakai TG41 | Lu rung, 8 tấn | Nhật | 18.000.000 | 350.000 |
| 3 | Máy lu rung nhỏ Kawasaky TW40 | Lu rung, 8 tấn | Nhật | 18.000.000 | 350.000 |
| 4 | Máy lu rung Sakai SV510D | Lu rung, 24 tấn | Nhật | 37.000.000 | 550.000 |
| 5 | Máy lu rung Sakai SV520D | Lu rung, 12 tấn | Nhật | 35.000.000 | 510.000 |
| 6 | Máy lu rung Komatsu JV100A | Lu rung, 22 tấn | Nhật | 35.000.000 | 530.000 |
| 7 | Máy lu rung Hamm 3410 | Lu rung, 12 tấn | Đức/2016 | 35.000.000 | 550.000 |
| 8 | Máy lu rung Bomag 202 (bánh thép) | Lu rung, 12 tấn | Đức/2012 | 28.000.000 | 435.000 |
| 9 | Máy lu rung Hypac | Lu rung, 12 tấn | Mỹ/2001 | 30.000.000 | 450.000 |
| 10 | Máy lu lốp Kawasaky | Lu tĩnh 16 tấn | Nhật Bản | 25.000.000 | 360.000 |
| 11 | Máy lu lốp TS290 (7 bánh) | Lu tĩnh 16 tấn | SaKai/Nhật Bản/1995 | 20.000.000 | 320.000 |
| 12 | Máy lu lốp XCMG XP262 | Lu tĩnh 26 tấn | Trung Quốc /2017 | 38.000.000 | 390.000 |
| 13 | Máy lu lốp XCMG XP263 | Lu tĩnh 26 tấn | Trung Quốc /2017 | 38.000.000 | 390.000 |
| 14 | Máy lu tĩnh Kawasaki | Lu tĩnh 10 tấn | Kawasaki/Nhật Bản | 20.000.000 | 325.000 |
| 15 | Máy lu rung Caterpilar CS533 | Lu rung, 12 tấn | CAT/Mỹ/2007 | 35.000.000 | 510.000 |
| 16 | Máy lu tĩnh Wantanabe | Lu tĩnh 10 tấn | Nhật/1995 | 18.000.000 | 340.000 |
| 17 | Máy lu bánh lốp Sakai (9 bánh) | Lu tĩnh 16 tấn | Nhật/1999 | 25.000.000 | 350.000 |
| 18 | Máy lu dẫn (lu con) Sakai TW-40 | Lu tĩnh 4 tấn | Nhật/1997 | 10.000.000 | 180.000 |
| 19 | Máy lu bánh lốp Sakai-TG150 | Lu tĩnh, bánh lốp, 16 tấn | Nhật | 25.000.000 | 350.000 |
| 20 | Lu rung Amman ASC100 | Lu rung, 12 tấn | Thụy Sỹ/2015 | 32.000.000 | 485.000 |
| **IV** | **Máy san tự hành bánh lốp** |  |  |   |   |
| 1 | Máy san tự hành Misubishi-MG3 | Chiều rộng ben 3,1m, 110CV | Nhật | 30.000.000 | 450.000 |
| 2 | Máy san Misubishi LG200 | Chiều rộng ben 3,7m | Nhật | 30.000.000 | 450.000 |
| 3 | Máy san tự hành Komatsu GD40 | Chiều rộng ben 3,0m, 180CV | Nhật | 35.000.000 | 550.000 |
| 4 | Máy san tự hành Komatsu GD525 | Chiều rộng ben 3,7m | Nhật | 34.000.000 | 520.000 |
| **II** | **Nhóm máy nâng hạ** |  |  |   |   |
| 1 | Cần cẩu bánh xích Sumitomo LS78RH-5 | Sức nâng 35T | Nhật Bản | 72.000.000 ÷80.000.000  | 3.100.000 |
| 2 | Cần cẩu bánh xích Kobelco 7045 | Sức nâng 45T | Nhật Bản | 88.000.000 ÷95.000.000  | 3.700.000 |
| 3 | Cần cẩu bánh xích Hitachi KH150-3 | Sức nâng 50T | Nhật Bản | 78.000.000 ÷82.000.000  | 3.500.000 |
| 4 | Cần trục tháp KB-403A  | Tầm với 30 mét , tải max 6 tấn | Nga | 8.000.000 ÷9.000.000  | 290.000 |
| 5 | Cẩu lốp Kobelco KR250 | Sức nâng 25T | Nhật Bản (1996) | 60.000.000 | 2.840.000 |
| 6 | Cẩu lốp Zoomlion QY50 | Sức nâng 50T | Trung Quốc (2014) | 90.000.000 | 2.970.000 |
| 7 | Cẩu lốp XCMG QY70 | Sức nâng 70T | Trung Quốc (2013) | 135.000.000 | 3.260.000 |
| 8 | Xe cẩu tự hành Huyndai 2,5 tấn | 2,5T | Hàn Quốc | 30.000.000 | 450.000 |
| **III** | **Nhóm máy phục vụ công tác bê tông** |  |  |   |   |
| 1 | Trạm trộn bê tông 60m3/h | 60m3/h | Việt Nam | 19.000.000 |   |
| 2 | Máy trộn bê tông động cơ diezen | Trộn bê tông, 250 lít | Việt Nam | 6.000.000 | 110.000 |
| 3 | Máy trộn bê tông động cơ điện | Trộn bê tông, 500 lít | Việt Nam | 8.000.000 | 120.000 |
| 4 | Máy bơm bê tông Mecbo/car P4.65AP | Bơm tĩnh, 60m3/h | Italia | 16.000.000 | 690.000 |
| 5 | Xe bơm bê tông Putzmeister BSA 2110 HP-D  | Bơm tĩnh, 102m3/h | Đức/2008 | 14.500.000 | 500.000 |
| 6 | Xe bơm cần Putzmeister 42m | Bơm cần, công suất 140-170m3/h, chiều dài 42m | Đức/2008 | 12.000.000 | 360.000 |
| 7 | Xe bơm cần hiệu MERCEDES - SANY 56m | Bơm cần, công suất 200 m3/h | Đức/2012 | 18.700.000 | 540.000 |
| **IV** | **Nhóm máy phục vụ công tác thi công cọc** |  |  |   |   |
| 1 | [Máy khoan cọc nhồi NIPPON SHARYO DHP-80](http://thanhthanhdat.vn/shops/may-dong-coc/may-dong-coc-nippon-sharyo-dhp-80.html) | Đường kính khoan Dmax = 2m | Nhật Bản/1989 | 67.000.000 | 2.900.000 |
| 2 | [Máy khoan cọc nhồi HITACHI KH100D-R6G](http://mxd.vn/vi/sanpham/622/may-khoan-coc-nhoi-hitachi-kh100d.html) | Đường kính khoan Dmax =1.5m | Nhật Bản/1989 | 65.000.000 | 2.800.000 |
| 3 | [Máy khoan cọc nhồi CX500](http://mxd.vn/vi/sanpham/622/may-khoan-coc-nhoi-hitachi-kh100d.html) | Đường kính khoan Dmax =1.5m | Nhật Bản/1999 | 140.000.000 | 4.200.000 |
| 4 | Máy khoan cọc nhồi Hitachi KH125D 35 tấn  | Đường kính khoan Dmax =1.5m | Nhật Bản/1992 | 110.000.000 | 3.570.000 |
| 5 | Dàn khoan đá DK5 | Khoan đá D105 | Trung Quốc | 9.000.000 |   |
| 6 | Dàn khoan đá DK3 | Khoan đá, D76 | Trung Quốc | 8.000.000 |   |
| **V** | **Nhóm máy vận chuyển** |  |  |   |   |
| 1 | Xe chở trộn bê tông Huyndai | Dung tích 7m3 | Hàn Quốc |  30.000.000  |   |
| 2 | [Xe tải ben 3 chân Howo 12 tấn](https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=4&cad=rja&uact=8&ved=0ahUKEwiu2sCz3LjNAhVFuY8KHRPFDJcQFggwMAM&url=http%3A%2F%2Fototaichuyendung.vn%2Fchi-tiet%2Fxe-tai-ben-3-chan-howo-12-tan.aspx&usg=AFQjCNEFY5rbFi9U9di3gXlKQqfqtwo1xg&sig2=f86Dw1n4E8MM41YIp8sc8A&bvm=bv.124817099,d.c2I) | Trọng tải 12T | Trung Quốc |  25.000.000  |   |
| 3 | Xe tưới nước 5M3 | 5M3 | Dongfeng/Trung Quốc |  14.000.000  |   |
| 4 | Xe tưới nhựa đường MC |  | Trung Quốc |  30.000.000  |   |
| **VI** | **Máy và thiết bị phục vụ gia công kim loại** |  |  |  |  |
| 1 | Máy hàn điện một chiều – 3 pha | Hàn điện, 30 KW | Thụy Điển | 4.000.000 |   |
| 2 | Máy hàn điện xoay chiều – 3 pha | Hàn điện, 23 KW | Việt Nam | 2.000.000 |   |
| 3 | Máy hàn điện một chiều, diezen | Hàn điện, 25 KW | Nhật | 3.000.000 |   |
| 4 | Máy căt uốn thép Gw40 | 5Kw | Trung Quốc | 1.800.000 |   |
| **VII** | **Một số loại máy và thiết bị thi công khác** |  |  |   |   |
| 1 | Máy rải bê tông nhựa Vogele | Rải bê tông nhựa, 180CV | Đức | 60.000.000 |   |
| 2 | Máy rải Demag 110 | 17 tấn | Đức/1993 | 90.000.000 |   |
| 3 | Máy rải Demag 135C-2009 | 18,5 tấn | Đức/2009 | 130.000.000 |   |
| 4 | Máy tưới nhũ tương cầm tay | Tưới nhũ tương, 200 lít | Việt Nam | 5.000.000 |   |
| 5 | Máy phun tưới betum nóng | Tưới nhựa nóng, 120 lít | Việt Nam | 13.500.000 |   |
| 6 | Búa đập đá thủy lực Neobuzz300 | Đập phá đá, bê tông, D150mm | Hàn Quốc | 35.000.000 |   |
| 7 | Máy nén khí Denyo 130 | Nén khí trục vít, 3,7m3/ phút | Nhật | 12.000.000 |   |
| 8 | Máy nén khí AirMan 70 | Nén khí trục vít, 2,5m3/ phút | Nhật | 9.000.000 |   |
| 9 | Máy phát điện 3 pha Denyo | 3 pha, 380V, 30 KVA | Nhật | 10.000.000 |   |
| 10 | Máy phát điện 1 pha Kubota | 1 pha, 220V, 15KVA | Mỹ | 10.000.000 |   |
| 11 | Máy phát điện 100KVA | 220V/100KVA | Nhật | 20.000.000 |   |
| 12 | Máy phát điện 60KVA | 220V/60KVA | Nhật | 15.000.000 |   |
| 13 | Đầm cóc Mikasa | Đầm đất, 72-80 kg | Nhật | 8.000.000 |   |
| 14 | Máy đầm cóc Hon da | Hon da NTK-72 | Nhật |  | 37.500 |
| 15 | Máy đầm dùi bê tông | KUNDO ZN-70P 2,2kW 220V | TQ |  | 25.000 |
| 16 | Máy đục bê tông | Makita HM1307C (1510W) | TQ |  | 25.000 |
| 17 | Máy trộn bê tông | 450 lít - Đầu nổ D8 | TQ |  | 31.000 |
| 18 | Máy bơm nước | Pentax CM 32-160B (3HP-2.2KW) | Italia |  | 25.000 |
| 19 | Máy xoa nền bê tông | 900mm động cơ Honda GX160 | TQ |  | 43.700 |
| 20 | Máy cắt bê tông | Xăng KC12 | TQ |  | 62.500 |
| 21 | Pa lăng xích các loại | KENBO KKBB03-01 3t 6m 380V 2 cấp tốc độ | TQ |  | 37.500 |

|  |
| --- |
| **PHỤ LỤC 02***(Kèm theo “Báo cáo nghiên cứu thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng* *đầu năm 2024”)* |
| TỔNG HỢP CÔNG BỐ GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 |
|  |
| **TT** | **Tỉnh/Thành phố** | **Số văn bản công bố** | **Ngày ban hành văn bản** |
| 1 | Cao Bằng | Văn bản số 145/QĐ-SXD ngày 22 tháng 01 năm 2024 | 22/01/2024 |
| 2 | Đắk Lắk | Quyết định số 104/SXD-KTLVXD Ngày 12 tháng 01 năm 2024 | 12/01/2024 |
| 3 | Kiên Giang | Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 | 29/05/2024 |
| 4 | Kon Tum | Quyết định số 48/SXD-QLXD Ngày 11 tháng 01 năm 2024 | 11/01/2024 |
| 5 | Lạng Sơn | Quyết định số 21/QĐ-SXD Ngày 15 tháng 01 năm 2024 | 15/01/2024 |
| 6 | Lâm Đồng | Quyết định số 10/QĐ-SXD Ngày 11 tháng 01 năm 2024 | 11/01/2024 |
| 7 | Quảng Bình | Quyết định số 68/QĐ-SXD Ngày 12 tháng 01 năm 2024 | 12/01/2024 |
| 8 | Quảng Ngãi | Văn bản số 322/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 | 19/04/2024 |
| 9 | Quảng Trị | Quyết định số 90/QĐ-SXD Ngày 15 tháng 01 năm 2024 | 15/01/2024 |
| 10 | Sóc Trăng | Văn bản số 35/QĐ-SXD ngày 14 tháng 5 năm 2024 | 14/05/2024 |
| 11 | Thái Bình | Quyết định số 02/QĐ-SXD Ngày 12 tháng 01 năm 2024 | 12/01/2024 |
| 12 | Yên Bái | Quyết định số 06/QĐ-SXD Ngày 08 tháng 01 năm 2024 | 08/01/2024 |

1. [] Nguồn: Tổng cục thống kê (6/2024) [↑](#footnote-ref-1)